Chi tiết mã HS 8420.99.10

Mã HS	8420.99.10
Mô tả hàng hóa	Các loại máy cán là hoặc máy cán ép phẳng kiểu trục lăn khác, trừ các loại máy dùng để cán, ép kim loại hoặc thủy tinh, và các loại trục cán của chúng / - Bộ phận: / - - Loại khác: / - - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8420.10.10
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:36:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84209910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13436
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13436
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13436
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12728
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12669
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12669
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12669
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12669
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12669
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12669
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12723
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12723

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12723
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12723
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12723
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12723
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12724
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12724
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12724
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12724
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12724
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12724
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12727
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12675
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12683
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12683
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12683
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12683
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12683
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12683
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12714
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12714
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12714
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12714
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12714
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12714
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12763
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12763

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12763
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12763
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12763
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12763
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12746
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12746
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12746
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12746
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12746
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12746
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12746
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12746
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12746
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12746
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12746
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12746
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12761
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12761
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12761
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12761
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12761
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12761
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12760
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12760
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12760
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12760

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12760
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12760
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12740
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12740
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12740
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12740
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12740
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12740
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12740
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12748
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12748
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12748
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12748
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12748
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12748
RCEP B	2022	2022	0	B!D12748
RCEP B	2023	2023	0	B!E12748
RCEP B	2024	2024	0	B!F12748
RCEP B	2025	2025	0	B!G12748
RCEP B	2026	2026	0	B!H12748
RCEP B	2027	2027	0	B!I12748
RCEP C	2022	2022	0	C!D12748
RCEP C	2023	2023	0	C!E12748
RCEP C	2024	2024	0	C!F12748
RCEP C	2025	2025	0	C!G12748
RCEP C	2026	2026	0	C!H12748

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I12748
RCEP D	2022	2022	0	D!D12747
RCEP D	2023	2023	0	D!E12747
RCEP D	2024	2024	0	D!F12747
RCEP D	2025	2025	0	D!G12747
RCEP D	2026	2026	0	D!H12747
RCEP D	2027	2027	0	D!I12747
RCEP E	2022	2022	0	E!D12751
RCEP E	2023	2023	0	E!E12751
RCEP E	2024	2024	0	E!F12751
RCEP E	2025	2025	0	E!G12751
RCEP E	2026	2026	0	E!H12751
RCEP E	2027	2027	0	E!I12751
RCEP F	2022	2022	0	F!D12748
RCEP F	2023	2023	0	F!E12748
RCEP F	2024	2024	0	F!F12748
RCEP F	2025	2025	0	F!G12748
RCEP F	2026	2026	0	F!H12748
RCEP F	2027	2027	0	F!I12748
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11814
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11814
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11814
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11814

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8420.99 có 2 dòng thuế; dòng 8420.99.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8420.10.10.	8420.99.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8420.99.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8420.99.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13436), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.